TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/KDTM-ST
Ngày: 24/4/2026.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Bỉnh

2/ Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Uyển Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TL.ST-KDTM, ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST - KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 156/2026/QĐ - KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: CÔNG TY TNHH G

Trụ sở: Cụm C – giai đoạn 1, xã C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Man B – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diên theo ủy quyền tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc D (Vắng mặt); chị Lữ Thị Quỳnh N (vắng mặt); chị Phạm Thị Việt H (vắng mặt); chị Nguyễn Thị Mỹ H1 (Có mặt).

Địa chỉ: số F, Đường C, phường N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: CÔNG TY TNHH B1

Trụ sở: Thửa đất số 380, tờ bản đồ số 25, Lô B, đường số D, KCN T, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành T – Giám đốc. Vắng mặt

Địa chỉ: số H N, phường G, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày:

Ngày 20/07/2020, Công ty TNHH G1 (sau đây gọi tắt là Công ty G) và Công ty TNHH B1 (sau đây gọi tắt là Công ty B1) có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số VNLM-HDMB-2020/073 về việc mua bán các sản phẩm giấy. Trong đó, Công ty G giữ vai trò là nhà cung cấp hàng hóa, còn Công ty B1 là người mua hàng. Thực hiện theo hợp đồng, Công ty G tiến hành giao hàng theo yêu cầu và xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số 9277, ngày 07/09/2023, Hóa đơn số 10832 ngày 11/10/2023, Hóa đơn số 11135 ngày 17/10/2023, Hóa đơn số 3268 ngày 29/03/2024 với tổng trị giá 544,918,590 đồng. Sau đó, Công ty B1 đã thanh toán một phần công nợ với số tiền là 152,712,310 đồng. Như vậy, Công ty B1 còn nợ số tiền là 392,206,280 đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 3.1 Hợp đồng mua bán hàng hóa số VNLM-HDMB-2020/073 ký ngày 20/07/2020 các bên có thỏa thuận: "Thanh toán trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn". Tuy nhiên, đến nay Công ty B1 vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho Công ty G. Theo thỏa thuận tại Điều 3.2 Hợp đồng mua bán hàng hóa số VNLM-HDMB-2020/073 ký ngày 20/07/2020. Cụ thể: "Trường hợp Bên B đã nhận hàng như đã thỏa thuận trong hợp đồng mà Bên B không thực hiện thanh toán đúng thời hạn như trên thì Bên A có toàn quyền yêu cầu Bên B thanh toán giá trị hàng hóa mà Bên B đã nhận cùng với khoản tiền lãi chậm thanh toán cho Bên A. Số tiền lãi chậm thanh toán được tính bằng lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng N1 (V) qui định tại thời điểm thanh toán nhân với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả (được tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên B thực hiện việc thanh toán)"

Căn cứ vào kết quả thu thập lãi suất của Tòa án tại Thông báo lãi suất cho vay áp dụng đối với khách hàng tổ chức bán lẻ/SME số 17/TB-CTH-KT ngày 25/03/2026 của Ngân hàng V thì mức lãi suất cho vay thông thường có kỳ hạn 12 tháng là 9%/năm. Theo đó, tổng số tiền lãi chậm thanh toán của Công ty B1 phải thanh toán cho Công ty G tính đến ngày 24/04/2026 là 173,507,713 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm mười ba đồng). Cụ thể được nêu tại Bảng tính lãi chi tiết ngày 24/04/2026. Trên tinh thần hợp tác, thương lượng giải quyết giữa các bên, Công ty G đã cho Công ty B1 thêm rất nhiều thời gian để thanh toán. Tuy nhiên phía Công ty B1 vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên. Đến nay, các bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau để giải quyết tranh chấp. Vì vậy, Công ty G chúng tôi yêu cầu Toà án xem xét giải quyết như sau:

1/ Buộc Công ty TNHH B1 thanh toán cho Công ty TNHH G1 số tiền hàng còn nợ là: 392,206,280 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

2/ Buộc Công ty TNHH B1 thanh toán cho Công ty TNHH G1 số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán đến ngày bị đơn trả xong nợ cho nguyên đơn với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Điều 3.2 Hợp đồng mua bán hàng hóa số VNLM-HDMB-2020/073 ký ngày 20/07/2020. Tính đến ngày 24/04/2026 là 148.617.635 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, sáu trăm ba mươi lăm đồng).

Tổng cộng: Công ty TNHH B1 phải thanh toán cho Công ty TNHH G1 số tiền là: 540.823.915 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu, tám trăm ahi mươi ba ngàn, chín trăm mười lăm đồng).

Quá trình tố tụng Công ty TNHH B1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo hợp đồng mua bán đã ký kết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán. Xét khoản 9.2 Điều 9 của hợp đồng mua bán hàng hóa số LMVN-KD-HDMB-2023-83 ngày 01/01/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận *"Trong trường hợp không giải quyết được các tranh chấp phát sinh trên, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại nơi bên A có trụ sở chính để giải quyết"*, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B1 quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ hợp đồng mua bán ngày 20/07/2020 thể hiện Công ty TNHH G1 và Công ty TNHH B1 có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số VNLM-HDMB-2020/073 về việc mua bán các sản phẩm giấy. Thực hiện theo hợp đồng đã ký kết Công ty G tiến hành giao hàng theo yêu cầu và xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số 9277 ngày 07/09/2023, Hóa đơn số 10832 ngày 11/10/2023, Hóa đơn số 11135 ngày 17/10/2023, Hóa đơn số 3268 ngày 29/03/2024 với tổng trị giá 544,918,590 đồng. Sau đó, Công ty B1 đã thanh toán một phần công nợ với số tiền là 152,712,310 đồng. Như vậy, sau khi các bên đối chiếu công nợ nguyên đơn Công ty G khởi kiện đối với Công ty B1 còn nợ số tiền là 392,206,280 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Căn cứ khoản 3.2 Điều 3 của hợp đồng mua bán hàng hóa số VNLM-HDMB-2020-073 ngày 20/7/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trong trường hợp bị đơn vi phạm điều khoản thanh toán, sẽ phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng N1 quy định, tại thời điểm thanh toán nhân với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Căn cứ công văn số 1269/VCB-CTH-KT ngày 26/03/2026 của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 chi nhánh C, cho biết lãi suất cho vay trung, dài hạn từ 10%/năm đến 10,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tứ là từ 15% đến 15,75%/ năm. Như vậy nguyên đơn yêu cầu tính lãi cho bị đơn là 13,5%/năm là có lợi cho bị đơn. Như vậy tổng tiền lãi là 148.617.635 đồng, trong đó bao gồm: Tiền lãi đối của hóa đơn số 8277 ngày 07/9/2023 đến 24/4/2026 là 25.815.711 đồng, tiền lãi của hóa đơn số 10832 từ ngày 11/10/2023 đến 24/4/2026 là 80.619.906 đồng, tiền lãi của hóa đơn số 11135 từ ngày

17/10/2023 đến ngày 24/4/2026 là 17.944.699 đồng và tiền lãi của hóa đơn số 3268 ngày 29/3/2024 đến ngày 24/4/2026 là 24.237.320 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn Công ty TNHH B1 phải chịu số tiền 25.632.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 ;

Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Điều 100, Điều 102, Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B1. Buộc bị đơn của Công ty trách nhiệm hữu hạn B1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G tổng số tiền 540.823.915 đồng tính đến ngày 24/4/2026. Trong đó nợ gốc là 392,206,280 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm tám mươi đồng), nợ lãi là 148.617.635 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, sáu trăm ba mươi lăm đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án cho người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp số tiền 13.089.515 đồng (Mười ba triệu, không trăm tám mươi chín ngàn, năm trăm mười lăm đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại số tiền 25.632.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng) nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- VKSND KV 14 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Việt